

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2025/HC-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Diệu.

Ông Nguyễn Hoàng Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 69/2025/TLST-HC ngày 02/4/2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2025/QĐXXST-HC ngày 09/6/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Hồ Thị Phương U, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số C, Quốc lộ F, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T: Luật sư Hoàng Văn T1, Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Q, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng N, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1940 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn G:

1/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Tổ B, ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Số C, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3/ Bà Nguyễn Thị Ánh T2, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

4/ Bà Nguyễn Thị Nguyệt N1, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

5/ Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ B, ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

6/ Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ B, ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà U, ông T1 có mặt. UBND huyện T và các ông bà Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ánh T2, Nguyễn Thị Nguyệt N1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh S, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2024 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có nội dung:

Vào năm 2015, bà Nguyễn Thị T nhận chuyển nhượng từ ông Trần Quốc H2 thửa đất số 714, tờ bản đồ số 03, diện tích 666 m², đất tọa lạc tại Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 59599 ngày 20/10/2015.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất trên và không tranh chấp với ai. Đến tháng 12 năm 2024, sau khi đo đạc để cập nhật tọa độ thửa đất thì phát hiện ra diện tích đất bà T đang sử dụng nhưng UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G.

Bà T liên hệ Ủy ban nhân dân huyện T yêu cầu chỉnh lý lại, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp sai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới hoặc cập nhật thông tin số thửa, diện tích đúng với hiện trạng thì được trả lời là UBND huyện không thể tự thu hồi mà thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 951398 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn G vào ngày 04/01/2008 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 3, đất tọa lạc tại Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Yêu cầu UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 3, đất tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Tại Văn bản số 2801/UBND-NC ngày 02 tháng 6 năm 2025 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Ngày 04/6/1996, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G, trong đó có thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.832 m², loại đất lúa, quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Ngày 22/4/2000 ông G lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Toàn V thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.832 m², loại đất lúa. Ngày 12/02/2001, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Toàn V thửa đất số 67 nêu trên. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V theo trích lục bản đồ địa chính.

Ngày 25/12/2007 ông Lê Văn Toàn V lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.832 m², loại đất lúa. Ngày 04/01/2008, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G thửa đất số 67 nêu trên. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G theo trích lục bản đồ địa chính.

Ngày 31/12/2008 ông Nguyễn Văn G lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T một phần thửa đất số 67 (có số thửa mới là 954), tờ bản đồ số 3, diện tích 741 m², loại đất lúa. Ngày 12/01/2009, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T thửa đất số 954 nêu trên. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T theo trích lục bản đồ địa chính.

Ngày 31/12/2008 ông Nguyễn Văn G lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ánh T2 01 phần thửa đất số 67 (có số thửa mới là 953), tờ bản đồ số 3, diện tích 497 m², loại đất lúa. Ngày 12/01/2009, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 thửa đất số 953 nêu trên. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 theo trích lục bản đồ địa chính.

Tại các lời trình bày của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn G bao gồm các ông bà Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ánh T2, Nguyễn Thị Nguyệt N1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh S có nội dung:

Cha các ông bà tên là Nguyễn Văn G, sinh năm 1940 chết năm 2018 và mẹ của các ông bà tên là Nguyễn Thị T3, sinh ngày 01/01/1942 chết ngày 29/10/2023. Trong quá trình chung sống cha mẹ các ông bà được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03, diện tích 642.1m², mục đích sử dụng đất: LUC, đất tọa lại tại Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Hiện nay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thất lạc, chỉ còn bản phô tô.

Qua trao đổi với bà Nguyễn Thị T các ông bà được biết vào năm 2015 bà Nguyễn Thị T nhận chuyển nhượng từ ông Trần Quốc H2 thửa đất số 714, tờ bản

đồ số 03, diện tích 666 m², đất tọa lạc tại Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An đến ngày 20/10/2015 bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 59599.

Tháng 12 năm 2024, bà T khi đo đạc đề cập nhật tọa độ thửa đất theo quy định thì phát hiện ra diện tích đất bà T sử dụng không phải thửa đất số 714, tờ bản đồ số 3, diện tích 666 m². Thửa đất bà T thực tế đang sử dụng là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3, diện tích 642.1 m² được UBND huyện T, Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T: “Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03, diện tích 642.1 m², mục đích sử dụng đất LUC, đất tọa lạc tại Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Văn G”. Các ông bà có ý kiến như sau: Do có sai sót về số thửa đất và vị trí đất các ông bà đã biết sự việc trên và đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền điều chỉnh lại đúng vị trí và diện tích theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền, Tòa án xác định đúng đối tượng, khi bà T khởi kiện là còn trong thời hiệu nên việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 951398 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn G vào ngày 04/01/2008 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 3, đất tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Buộc UBND huyện T thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 3, đất tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Long An theo quy định của Luật đất đai.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 59599 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn G vào ngày 04/01/2008 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 3, đất tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T phát hiện việc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G đối với thửa đất 67 vào tháng 12/2024, đến ngày 14/02/2025 bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông G bao gồm các ông bà các ông bà Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ánh T2, Nguyễn Thị Nguyệt N1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh S có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[1.4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại, nhưng người khởi kiện có đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại; Người bị kiện có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 135, 136 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án thu thập đầy đủ chứng cứ, không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 3, tọa lạc Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An là căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập giữa ông Lê Văn Toàn V với ông Nguyễn Văn G. Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G thửa đất số 67 nêu trên. Vì thế, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G đối với thửa đất 67, tờ bản đồ số 3 là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Luật đất đai.

[2.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T cho rằng: Thửa đất 67, tờ bản đồ số 3 thì thực tế bà T quản lý, sử dụng nhưng UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G. Bà T xác định bà T có cất nhà trên thửa đất 67 để sinh sống. Thửa đất 67 có ranh giới rõ ràng với các thửa đất khác. Từ trước đến nay bà T quản lý, sử dụng thửa đất 67 ổn định, không phát sinh tranh chấp.

Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn G, thấy rằng: Ngày 25/12/2007 ông Lê Văn Toàn V lập Hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.832 m², loại đất lúa. Ngày 04/01/2008, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G thửa đất số 67 nêu trên. Tuy nhiên, đối với thửa đất 67, tờ bản đồ số 3 ông G không quản lý, sử dụng mà bà T là người quản lý, sử dụng thửa đất 67. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G đối với thửa đất số 67 là không đúng đối tượng theo quy định của Luật đất đai.

Nhận định trên phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 29/4/2025 xác định: Trên thửa đất 67, tờ bản đồ số 3 có 01 căn nhà cấp 4, có kết cấu tường gạch, nền gạch men, mái tole, căn nhà này do bà T xây vào năm 2015, hiện nay căn nhà này bà T đang quản lý sử dụng và 01 căn nhà tiền chế kết cấu mái tole, vách tole, nền xi măng căn nhà này do bà T xây cất vào năm 2023. Hiện nay căn nhà này bà T đang quản lý, sử dụng. Xung quanh thửa đất còn có 01 số cây trồng khác như xoài, ổi,... các cây này do bà T trồng. Xung quanh thửa đất bà T cắm cột mốc để phân biệt thửa đất này với thửa đất khác. Hiện nay thửa đất 67 này bà T đang quản lý, sử dụng. Phù hợp với M trích đo địa chính do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ đo vẽ ngày 13/5/2025 xác định: Tại khu A là thửa đất 67, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, có diện tích 633 m², ông G là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Phù hợp với lời trình bày của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn G bao gồm các ông bà Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ánh T2, Nguyễn Thị Nguyệt N1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh S có nội dung: Các ông bà thừa nhận thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3 hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng nhưng UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G. Các ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Văn G đối với thửa đất 67, tờ bản đồ số 3.

Như vậy, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3 cho ông G là không đúng đối tượng sử dụng đất. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên được chấp nhận, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho ông G đối với thửa đất 67, tờ bản đồ số 3 như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 15.000.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu. Bà T đã nộp xong.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 50, 105 Luật Đất đai năm 2003;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 951398 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn G vào ngày 04/01/2008 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 3, đất tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Buộc UBND huyện T thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 3, đất tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Long An theo qui định của Luật đất đai.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

2.1. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T chịu 15.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ, bà T đã nộp xong.

2.2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Do bà T là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tạm ứng án phí cho bà T.

Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An sự phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Thanh

